

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2015

MỤC LỤC

CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG	5
ĐIỀU 1: CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG.....	5
ĐIỀU 2: ĐỊNH NGHĨA.....	5
ĐIỀU 3: TÊN VÀ LOGO CÔNG TY.....	6
ĐIỀU 4: TRỤ SỞ CÔNG TY.....	6
ĐIỀU 5: HÌNH THỨC VÀ TƯ CÁCH HOẠT ĐỘNG.....	6
ĐIỀU 6: MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	7
ĐIỀU 7: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG.....	9
ĐIỀU 8: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.....	9
ĐIỀU 9: TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC.....	10
CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	10
ĐIỀU 10: CÔNG TÁC QUẢN LÝ SẢN XUẤT KINH DOANH.....	10
ĐIỀU 11: CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.....	11
CHƯƠNG III VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG - CỔ TỨC	12
ĐIỀU 12: VỐN ĐIỀU LỆ.....	12
ĐIỀU 13: TẶNG GIÁM VỐN ĐIỀU LỆ.....	13
ĐIỀU 14: CÁC VỐN HUY ĐỘNG KHÁC.....	13
ĐIỀU 15: CỔ PHẦN.....	13
ĐIỀU 16: CỔ PHIẾU VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOẢN KHÁC.....	14
ĐIỀU 17: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.....	15
ĐIỀU 18: THU HỒI CỔ PHẦN.....	15
ĐIỀU 19: THỪA KẾ CỔ PHẦN.....	16
ĐIỀU 20: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG.....	16
ĐIỀU 21: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG.....	17
ĐIỀU 22: CÁC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN.....	17
ĐIỀU 23: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG.....	18
ĐIỀU 24: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG.....	19
ĐIỀU 25: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN.....	20
CHƯƠNG IV TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY	20
ĐIỀU 26: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY.....	20
ĐIỀU 27: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	21
ĐIỀU 28: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	22
ĐIỀU 29: TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	23
ĐIỀU 30: THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	25
ĐIỀU 31: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	26
ĐIỀU 32: THẨM QUYỀN VÀ THẺ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẢNG VẤN BÀN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	27
ĐIỀU 33: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	29
ĐIỀU 34: YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	29
ĐIỀU 35: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	30
ĐIỀU 36: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	31
ĐIỀU 37: CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	34
ĐIỀU 38: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	34
ĐIỀU 39: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	37
ĐIỀU 40: BỔ SUNG, THAY THẾ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	38
ĐIỀU 41: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	38

ĐIỀU 42:	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	38
ĐIỀU 43:	NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	39
ĐIỀU 44:	BỔ SUNG, THAY THẾ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	42
ĐIỀU 45:	TỔNG GIÁM ĐỐC.....	42
ĐIỀU 46:	QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....	43
ĐIỀU 47:	TỪ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC.....	44
ĐIỀU 48:	ỦY QUYỀN, ỦY NHIỆM.....	44
ĐIỀU 49:	TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	45
ĐIỀU 50:	CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	45
ĐIỀU 51:	THƯ KÝ CÔNG TY.....	45
ĐIỀU 52:	TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	46
ĐIỀU 53:	TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI.....	46
ĐIỀU 54:	TRÁCH NHIỆM VÊ THIỆT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG.....	47
CHƯƠNG V QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....		48
ĐIỀU 55:	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ.....	48
CHƯƠNG VI CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....		48
ĐIỀU 56:	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	48
CHƯƠNG VII TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....		49
ĐIỀU 57:	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG.....	49
ĐIỀU 58:	NĂM TÀI CHÍNH.....	49
ĐIỀU 59:	CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	49
CHƯƠNG VIII HẠCH TOÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ.....		49
ĐIỀU 60:	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ.....	49
ĐIỀU 61:	CỔ TỨC.....	50
CHƯƠNG IX BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....		51
ĐIỀU 62:	BÁO CÁO HÀNG NĂM, SÁU THÁNG VÀ HÀNG QUÝ.....	51
ĐIỀU 63:	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	52
CHƯƠNG X KIỂM TOÁN CÔNG TY.....		52
ĐIỀU 64:	KIỂM TOÁN.....	52
CHƯƠNG XI CON DẤU.....		53
ĐIỀU 65:	CON DẤU.....	53
CHƯƠNG XII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ TỐ TỤNG.....		53
ĐIỀU 66:	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	53
ĐIỀU 67:	TRANH CHẤP GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN NGOÀI CÔNG TY.....	54
CHƯƠNG XIII GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....		54
ĐIỀU 68:	GIA HẠN HOẠT ĐỘNG.....	54
ĐIỀU 69:	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG.....	54
ĐIỀU 70:	THANH LÝ.....	54
CHƯƠNG XIV ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....		55
ĐIỀU 71:	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	55

Căn cứ vào:

Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015

Chúng tôi – những cổ đông của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận – đã nhất trí thông qua nội dung và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận.

CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1: CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Điều lệ này không nhắc lại các quy định của pháp luật Việt Nam áp dụng đối với Công ty Cổ phần, các cổ đông của Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người lao động và Công đoàn (trừ những trường hợp ngoại lệ nêu trong Điều lệ này) bởi vì những quy định này sẽ luôn được áp dụng cho dù có nêu trong Điều lệ này hay không.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. Khoản sửa đổi Điều lệ tương ứng sẽ thông qua Đại hội đồng cổ đông khi thuận tiện.
3. Ngoài ra, Điều lệ này sẽ không nhắc lại một cụm từ được sử dụng trong các văn bản Việt Nam là “theo quy định của pháp luật Việt Nam” vì mọi người đều phải luôn tuân thủ, chịu sự ràng buộc và thực hiện pháp luật Việt Nam trong mọi hoạt động.

ĐIỀU 2: ĐỊNH NGHĨA

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.
 - “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - “Người quản lý doanh nghiệp” là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
 - “Cán bộ quản lý” là thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
 - “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - “Cổ đông” là tổ chức, cá nhân có tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
2. “Kinh doanh” là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.
3. “Góp vốn” là việc đưa tài sản vào Công ty để trở thành chủ sở hữu chung của Công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi do thành viên góp để tạo thành vốn của Công ty.
4. “Vốn có quyền biểu quyết” là phần vốn góp mà theo đó, người sở hữu có quyền biểu quyết những vấn đề được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông đưa ra bàn bạc thảo luận.

5. “Cổ phần” là vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, có mệnh giá là 10.000 đồng và cho phép người nắm giữ có các quyền và nghĩa vụ nêu tại Điều 23 và Điều 24 của Điều lệ này.
6. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
7. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
8. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

ĐIỀU 3: TÊN VÀ LOGO CÔNG TY

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận
2. Tên giao dịch đối ngoại: Phu Nhuan Jewelry Joint Stock Company
3. Viết tắt: Công ty PNJ
4. Biểu tượng (logo):



ĐIỀU 4: TRỤ SỞ CÔNG TY

1. Trụ sở chính:
 - Địa chỉ: 170E Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
 - Điện thoại: 08. 39951703 – 08. 39951706
 - Fax: 08. 39951702
 - Email: pnj@pnj.com.vn
 - Website: www.pnj.com.vn
2. Công ty có các phòng, bộ phận, cửa hàng, chi nhánh, xí nghiệp, trạm, văn phòng đại diện trong và ngoài nước trực thuộc được thành lập theo Quyết định của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh hàng năm.

ĐIỀU 5: HÌNH THỨC VÀ TƯ CÁCH HOẠT ĐỘNG

1. Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp kinh tế Đảng, Công ty Vàng bạc đá quý Phú Nhuận trực thuộc Ban Tài Chính Quản Trị Thành ủy TP.HCM, trên cơ sở

tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận:

- Thuộc sở hữu của các cổ đông.
- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo qui định của pháp luật Việt Nam.
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật.
- Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.
- Tự chịu kết quả về mọi hoạt động kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.
- Có bảng cân đối về kế toán riêng, được lập các quỹ theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 6: MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Mục tiêu của Công ty PNJ là xây dựng và giữ vững thương hiệu PNJ là một trong những thương hiệu hàng đầu của ngành kim hoàn Việt Nam, tham gia thị trường thế giới. Đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế. Tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc. Tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp người lao động, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, kim loại quý, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức. Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ. Bán lẻ đồng hồ, kính mắt. Bán lẻ vàng, bạc kim loại quý nguyên liệu. Mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ. Mua bán vàng miếng (4773)
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ kiểm định kim cương và đá quý. Dịch vụ kiểm định vàng, bạc, kim loại quý khác, đá bán quý (7120)
- Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan. Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. Gia công vàng trang sức, mỹ nghệ. Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý hoặc đá quý hoặc đá nửa quý, hoặc kim loại quý tổng hợp và đá quý hoặc đá nửa quý hoặc các kim loại khác; Sản xuất các chi tiết bằng vàng bạc bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý như: đồ ăn, đồ dẹt, bát đĩa, ấm chén, các chi tiết vệ sinh, các chi tiết trong văn phòng, các chi tiết sử dụng trong tôn giáo. Sản xuất các chi tiết kỹ thuật hoặc thí nghiệm bằng kim loại quý (trừ dụng cụ hoặc các phần tương tự): nồi nấu kim loại, bàn xén, thử cực dương của kim loại; Đồng hồ bằng kim loại quý; cổ tay áo, dây đồng hồ, hộp thuốc lá (3211)

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn vàng, bạc, kim loại quý, đá quý, đá bán quý. Mua bán vàng miếng (4662)
- Giáo dục nghề nghiệp. Dạy nghề (8532)
- Hoạt động cấp tin dụng khác. Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ (6492)
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ va li, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán lẻ sản phẩm lót ly tách, khăn, bao hộp đựng giấy, bao vải, bao gối, khăn, giày, dép. Bán lẻ chăn, màn, đệm, rèm, ga trải giường, gối và bộ đồ giường khác, hàng may mặc, quần áo. Bán lẻ giày dép. Bán lẻ đồ da và giả da. Bán lẻ hàng du lịch đồ da và giả da. Bán lẻ trang phục khác như găng tay, khăn, bít tất, cà vạt, dây đeo quần (4771)
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Chi tiết: Cắt tóc, làm đầu, gội đầu, chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây cháy máu) (9631)
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, rượu bia, nước giải khát và các dịch vụ ăn uống (5610)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (6810)
- Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan (3212)
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn đồ trang sức bằng vàng, bạc, và kim loại quý. Bán buôn va li, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán buôn đồng hồ, kính mắt. Bán buôn đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan. Bán buôn hàng du lịch bằng da, giả da và bằng các chất liệu khác. Bán buôn phụ kiện thời trang. Bán buôn bưu thiếp và các ấn phẩm khác. Bán buôn xà bông, nến, tinh dầu, sản phẩm từ quế, sản phẩm từ sừng (trừ sản phẩm từ động vật quý, hiếm), sản phẩm điêu khắc (4649)
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ (4669)
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý. Chi tiết: Sản xuất kim loại màu và kim loại quý, vàng miếng (2420)
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đại lý đối ngoại tệ, dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ (6499)
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công vàng, bạc, đá quý, đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan (2592)
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (4641)
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (4761)
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại trụ sở) (9000)
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng) (1410)

- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng) (1322)
- Sản xuất thảm, chăn đệm (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng) (1323)
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng) (1512)
- Sản xuất giày dép (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may, đan, thuộc da và gia công hàng đã qua sử dụng) (1520)
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UB và Quyết định 79/2009/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố về quy hoạch nông sản thực phẩm tại TPHCM) (4722)
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở) (4632)
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (trừ tái chế phế thải tại trụ sở) (1709)
- Xuất khẩu, nhập khẩu vàng trang sức, hàng mỹ nghệ bằng vàng, bạc, các kim loại quý khác, kim cương, đá quý, đá bán quý, vàng miếng, vàng nguyên liệu dưới dạng lá, dây bột, khối, thỏi, hạt, miếng. Xuất khẩu, nhập khẩu đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan (Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam).
- Thương mại điện tử.
- Đầu tư chứng khoán.

ĐIỀU 7: THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm (kể từ ngày ghi trong quyết định chuyển từ doanh nghiệp kinh tế Đảng thành Công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền). Việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở quy định tại Luật Doanh nghiệp và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

ĐIỀU 8: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, tôn trọng pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Các cổ đông Công ty cổ phần cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn góp vào Công ty.
3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để lãnh đạo Công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.

5. Quản lý, điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

ĐIỀU 9: TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của tổ chức đó.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của tổ chức mình và phù hợp với tình hình sản xuất – kinh doanh thực tế của Công ty.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 10: CÔNG TÁC QUẢN LÝ SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Quyền:

- 1.1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty;
- 1.2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- 1.3. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- 1.4. Kinh doanh những ngành nghề được nhà nước cho phép. Mở rộng qui mô kinh doanh theo khả năng Công ty và nhu cầu thị trường. Tùy theo tình hình, điều kiện cụ thể sẽ mở rộng thêm những lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác phù hợp với qui định của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- 1.5. Đổi mới công nghệ, trang bị phù hợp với nhu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- 1.6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước. Được trực tiếp xuất khẩu theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật;
- 1.7. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ (trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá);
- 1.8. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa, thương hiệu theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- 1.9. Đầu tư liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh;
- 1.10. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, quyết định lương, thưởng, trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất – kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo qui định của Bộ luật Lao động và các quy định khác của pháp luật;
- 1.11. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của nhà nước;
- 1.12. Được thừa hưởng quyền sở hữu các thương hiệu từ Công ty Vàng bạc đá quý Phú Nhuận sang Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận;
- 1.13. Các quyền khác theo luật định.

2. Nhiệm vụ:

- 2.1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký. Chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện;
- 2.2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường;
- 2.3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác;
- 2.4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động. Bảo đảm quyền lợi của người lao động bằng thỏa ước lao động tập thể và các qui chế khác;
- 2.5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên môi trường, an ninh quốc gia và công tác PCCC;
- 2.6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo;
- 2.7. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước theo qui định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- 2.8. Các nghĩa vụ khác theo luật định.

ĐIỀU 11: CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

1. Quyền:

- 1.1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo tồn và phát triển;
- 1.2. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng hoặc chưa dùng hết công suất;

- 1.3. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định tại Điều lệ này, được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các Ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định hiện hành. Ngoài ra, được quyền huy động vốn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo đúng pháp luật để bổ sung cho vốn lưu động trên nguyên tắc hoàn trả đúng hạn cả vốn lẫn lãi;
- 1.4. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 1.5. Được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế khi chuyển Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định của Nhà nước;
- 1.6. Các quyền khác theo luật định.

2. Nhiệm vụ:

- 2.1. Thực hiện đúng chế độ về các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán kế toán thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật qui định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty;
- 2.2. Công bố công khai cho các cổ đông các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty;
- 2.3. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- 2.4. Công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty;
- 2.5. Các nghĩa vụ khác theo luật định.

CHƯƠNG III VỐN - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG - CỔ TỨC

MỤC 1. VỐN KINH DOANH

ĐIỀU 12: VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là tiền đồng Việt Nam (VNĐ).
2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 755.970.350.000 đồng (bảy trăm năm mươi lăm tỷ chín trăm bảy mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).
3. Không được sử dụng nguồn vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty.

ĐIỀU 13: TĂNG GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

1. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, bằng các phương thức:
 - 1.1. Phát hành thêm cổ phần hoặc mua lại cổ phần đã phát hành theo quy định tại Điều lệ này và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;
 - 1.2. Tái đầu tư một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối;
 - 1.3. Chuyển các quỹ dự trữ, tích lũy thành vốn điều lệ.
2. Công ty thay đổi vốn điều lệ trong trường hợp Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phần phát hành thêm phải được cập nhật đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.

ĐIỀU 14: CÁC VỐN HUY ĐỘNG KHÁC

1. Vay vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước.
2. Phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Vay cá nhân trong và ngoài Công ty.
4. Vay các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Sử dụng các nguồn vốn huy động trên đây phải trên nguyên tắc phục vụ cho sản xuất kinh doanh, hoàn trả đủ, đúng thời hạn cả vốn lẫn lãi và các nghĩa vụ tài chính khác.

MỤC 2. CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

ĐIỀU 15: CỔ PHẦN

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau, gọi là cổ phần. Mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VNĐ (Mười ngàn đồng chẵn).
2. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào thời điểm thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
3. Cổ phần phổ thông mới chào bán phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác

hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

4. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên. Công đoàn của Công ty có thể sử dụng nguồn quỹ Công đoàn để mua lại cổ phần loại này khi cán bộ công nhân viên vi phạm các điều kiện Công ty quy định khi phát hành cổ phần này.
5. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - 5.1. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
 - 5.2. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - 5.3. Các trường hợp khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại được coi là cổ phần ngân quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
9. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh và hạn chế điều kiện chuyển nhượng đối với các phần của cán bộ - nhân viên Công ty và đối với các cổ đông chiến lược theo đề xuất của Ban Tổng Giám đốc và được Hội đồng quản trị phê duyệt phù hợp với mục đích phát hành.

ĐIỀU 16: CỔ PHIẾU VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần trong Công ty.
2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
3. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các cổ đông sau khi đã nộp tiền mua cổ phần của Công ty, được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông, được nhận một hoặc một số cổ phiếu cho tất cả cổ phần của mình.

5. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
6. Nếu cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng, tẩy xóa hay bị mất có thể xin đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và phải thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
7. Công ty phát hành cổ phiếu dưới dạng Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.
8. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

ĐIỀU 17: CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần đã được chuyển nhượng sau khi ghi đúng và đủ những thông tin quy định vào Sổ đăng ký cổ đông, người nhận chuyển nhượng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty kể từ thời điểm đó.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

ĐIỀU 18: THU HỒI CỔ PHẦN

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị

thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 9% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

ĐIỀU 19: THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Cổ phần của Công ty được thừa kế theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - Người thừa kế duy nhất theo luật định.
 - Nhiều người thừa kế theo luật định. Trong trường hợp này họ phải cử đại diện duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
3. Trong trường hợp một cổ đông đã chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất kế thừa quyền hưởng lợi sở cổ phần này. Quy định này không có nghĩa là cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông đã chết không còn liên quan về nghĩa vụ tài sản mà cổ đông đó đã thực hiện.
4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế hợp pháp, Công đoàn cơ sở của Công ty sẽ là người sở hữu cổ phần của cổ đông đó.
5. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, sau khi đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế quyền.

ĐIỀU 20: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - 2.2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 2.3. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

- 2.4. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
- 2.5. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
4. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

MỤC 3. CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 21: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
3. Người đại diện cổ phần theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:
 - 3.1. Trường hợp cổ đông là một pháp nhân: là người đại diện được phân công theo quyết định chính thức của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó.
 - 3.2. Trường hợp cổ đông là cá nhân: chính cổ đông tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
 - 3.3. Trong trường hợp cổ đông là một pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác theo quyết định của pháp nhân đó hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

ĐIỀU 22: CÁC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - 2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
 - 2.2 Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - 2.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - 4.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - 4.2 Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - 4.3 Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 23: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

1. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
2. Nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp;
3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
4. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
7. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác;
8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:
 - 9.1. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - 9.2. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - 9.3. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - 9.4. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
10. Được chia tài sản còn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với số vốn góp;
11. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 24: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Trong thời hạn hoạt động của Công ty đã ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;
5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

6. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty, tham gia các công việc chung của Công ty khi được phân công;
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - 8.1. Vi phạm pháp luật;
 - 8.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - 8.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

ĐIỀU 25: THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 29 và Điều 30 Điều lệ này.

Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

ĐIỀU 26: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 27: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức hợp 01 lần trong năm trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, và tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - 2.1. Nếu triệu tập lần thứ nhất không đạt tỷ lệ thì triệu tập cuộc họp lần thứ hai trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuộc họp thứ nhất dự định khai mạc và phải có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - 2.2. Nếu triệu tập lần thứ hai không đạt tỷ lệ thì triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc và đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
3. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - 4.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - 4.2. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - 4.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - 4.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty liên tục trong 6 tháng yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
 - 4.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp;
 - 4.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- 5.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 4.3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 4.4 và khoản 4.5 của Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Khoản 5.1 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
- 5.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 5.1 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5.2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 4.4 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- 5.3. Tất cả chi phí hợp lý và hợp pháp cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 28: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - Báo cáo tài chính hàng năm;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo tài chính kiểm toán;
 - Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - Quyết định các tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận của Công ty;
 - Lựa chọn Công ty kiểm toán;
 - Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
 - Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - Việc Tổng Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 29: TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định Khoản 5.2 Điều 27.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- 2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 (năm) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- 2.2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- 2.3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề xuất bằng văn bản chính thức về các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:
 - 5.1. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - 5.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - 5.3. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bán bạc và thông qua;
 - 5.4. Đề xuất không phù hợp với các qui định pháp luật;
6. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều này.
7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền hợp lệ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chủ tọa đại hội. Chủ tọa thông qua chương trình đại hội, thư ký đại hội và bầu Ban kiểm phiếu.

- Đại hội đồng cổ đông họp phải có biên bản và được chép vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ tọa, thư ký, người kiểm phiếu sau phiên họp.

ĐIỀU 30: THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
- Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

- Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
- Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
- Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - 10.1. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 10.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - 10.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
 - 10.4. Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - 11.1. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - 11.2. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 31: THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Mỗi cổ đông tham dự đại hội khi biểu quyết được tính số phiếu biểu quyết bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua trực tiếp bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có giá trị thực hiện khi được tối thiểu 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Riêng các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 65% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
4. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát thì phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
5. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

ĐIỀU 32: THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - 3.2. Mục đích lấy ý kiến;
 - 3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại

- diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- 3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - 3.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - 3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - 5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - 5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - 5.5. Các quyết định đã được thông qua;
 - 5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
 8. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 33: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Biên bản phải có nội dung chủ yếu sau đây:
 - 1.1. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.2. Chương trình làm việc;
 - 1.3. Chủ tọa và thư ký;
 - 1.4. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.5. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu không chấp thuận, số phiếu trắng và các vấn đề đã được thông qua;
 - 1.6. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
 - 1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - 1.8. Họ tên chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 34: YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức

lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định hủy bỏ của Tòa án hoặc Trọng tài theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 35: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có ít nhất 5 thành viên và tối đa không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa là 5 năm và có thể được bầu lại tại các Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:
 - 3.1. Phải là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần của Công ty và/hoặc có kiến thức, kinh nghiệm trong kinh doanh, quản lý điều hành các ngành chính của doanh nghiệp;
 - 3.2. Có sức khỏe, có phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
 - 3.3. Những người có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị không được đảm nhiệm hoặc ủy quyền đảm nhiệm các chức danh Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty.
4. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
5. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
6. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
7. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - 7.1. Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều này;

- 7.2. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - 7.3. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - 7.4. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - 7.5. Thành viên đó qua đời;
 - 7.6. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - 7.7. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 7.8. Công ty bị chấm dứt hoạt động.
8. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 36: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - 3.1. Tổ chức thực hiện phương án đầu tư, chiến lược phát triển của Công ty. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - 3.2. Phê duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán của các công trình đầu tư đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;
 - 3.3. Trình báo cáo quyết toán năm lên Đại hội đồng cổ đông;

- 3.4. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - 3.5. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - 3.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
 - 3.7. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty;
 - 3.8. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - 3.9. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - 3.10. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - 3.11. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - 3.12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - 3.13. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - 3.14. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- 4.1. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - 4.2. Thành lập các Công ty con của Công ty;
 - 4.3. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướm Công ty và liên doanh);
 - 4.4. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - 4.5. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

- 4.6. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - 4.7. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - 4.8. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - 4.9. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - 4.10. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - 4.11. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 10. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

11. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết nghị của Hội đồng quản trị theo đa số phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc ý kiến bằng văn bản. Nếu số phiếu của các ý kiến khác nhau bằng nhau thì quyết định được thông qua theo ý kiến của bên nào có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 37: CHỦ TỊCH VÀ PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn các nhiệm vụ của Hội đồng quản trị;
 - 2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 2.4. Tổ chức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;
 - 2.5. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - 2.6. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - 2.7. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.8. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.9. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền khi Chủ tịch vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

ĐIỀU 38: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.

Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - 3.1. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - 3.2. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - 3.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - 3.4. Đa số thành viên Ban kiểm soát;
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải thông tin đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị:
 - 8.1. Trừ quy định tại khoản 8.2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - 8.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và

- lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- 8.3. Theo quy định tại khoản 8.4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - 8.4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 4a và 4b Điều 53 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - 8.5. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định;
 - 8.6. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng quản trị bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc Thư ký Hội đồng quản trị. Phiếu biểu quyết được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
9. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
10. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
11. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- 11.1. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

11.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
13. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
14. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 39: QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo vệ bí mật các thông tin được cung cấp.

ĐIỀU 40: BỔ SUNG, THAY THỂ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
2. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 41: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 37 Điều lệ này.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác. Cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - 2.1. Nghiên cứu đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
 - 2.2. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình.
 - 2.3. Thực hiện Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công, phân nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 42: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát gồm ba thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - 1.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 1.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - 1.3. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.
 - 1.4. Phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
3. Ban kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và được kéo dài thêm 90 ngày sau khi kết thúc nhiệm kỳ để giải quyết thêm các công việc tồn đọng. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử năm ứng viên.
5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - 6.1. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - 6.2. Thành viên đó không còn đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - 6.3. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - 6.4. Thành viên đó không còn năng lực hành vi;
 - 6.5. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục mà không có lý do chính đáng, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - 6.6. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 43: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ như sau:
 - 1.1. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
 - 1.2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- 1.3. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- 1.4. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- 1.5. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
- 1.6. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- 1.7. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
- 1.8. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- 1.9. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- 1.10. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của nhóm cổ đông quy định tại khoản 9 Điều 23 của Điều lệ này. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 1.11. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- 1.12. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- 1.13. Kiểm tra và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo ý kiến độc lập của mình, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;
- 1.14. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- 1.15. Thực hiện chức trách giám sát việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quá trình thực thi nhiệm vụ; có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp số liệu, tài liệu và thuyết minh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- 1.16. Được tham dự họp Hội đồng quản trị và có ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;
 - 1.17. Trường hợp phát hiện những hành vi tổn thất đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để có giải pháp chấm dứt tổn thất và khắc phục hậu quả;
 - 1.18. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.19. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - 1.20. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.21. Thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - 1.1. Phân công kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc;
 - 1.2. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - 1.3. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - 1.4. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
 3. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
 4. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
 5. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gây thiệt hại cho Công ty.

ĐIỀU 44: BỔ SUNG, THAY THẾ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban Kiểm soát thì các thành viên Ban kiểm soát còn lại cử người thay thế nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết.
2. Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán thì các thành viên Ban kiểm soát còn lại phải tạm thời cử người thay thế cho đến khi Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu bổ sung.

MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐIỀU 45: TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, được ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thực hiện nhiệm vụ Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc không nhất thiết phải là Cổ đông Công ty và có thể là thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần phải là người đã tốt nghiệp đại học, có đủ trình độ, kiến thức các ngành nghề mà Công ty hoạt động, có kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp, có hiểu biết pháp luật Việt Nam và quốc tế. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Tổng Giám đốc là người đại diện Công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm về việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.
6. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.
7. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
8. Tiền lương, thưởng và phụ cấp của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

ĐIỀU 46: QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Kiến nghị số lượng cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
4. Được tuyển dụng, bổ trí, sử dụng lao động; kỷ luật, cho thôi việc, quyết định lương, thưởng, các chế độ phúc lợi đối với người lao động kể cả các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Tổng Giám đốc theo sự phân cấp của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định pháp luật về lao động;
5. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
6. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
7. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
8. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt các quy chế tổ chức bộ máy Công ty và phương án tổ chức, thành lập hoặc giải thể đối với các đơn vị trực thuộc;
9. Ký các hợp đồng trong hạn mức được Hội đồng quản trị cho phép, hợp đồng lao động, hợp đồng khác theo luật định; ký các báo cáo, văn bản, các chứng từ khác của Công ty theo thẩm quyền; quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, các biện pháp tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất kinh doanh;
10. Báo cáo trước Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước Hội đồng quản trị và các cổ đông;
11. Được quyết định đầu tư mua sắm tài sản trang thiết bị có giá trị không vượt quá 10% vốn điều lệ theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua;

12. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó chủ tịch hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu trái luật, trái Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay với các kiểm soát viên;
13. Được quyết định các biện pháp xử lý vượt quá thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố... nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị;
14. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
15. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
16. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 47: TỪ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị sẽ xem xét và quyết định.
2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm và bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp tương tự như các thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 7 Điều 35 của Điều lệ này, hoặc không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm, nghĩa vụ được quy định tại Điều 45 và 46 của Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.
4. Trong trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm và bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và trong thời hạn tối đa 60 ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

ĐIỀU 48: ỦY QUYỀN, ỦY NHIỆM

1. Tổng Giám đốc Công ty có quyền ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc một số người khác trong Công ty trực thuộc Tổng Giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc về những công việc mình làm.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản và có thời hạn nhất định.

MỤC 5. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

ĐIỀU 49: TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc điều hành, một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc điều hành và các Phó Tổng Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

ĐIỀU 50: CÁN BỘ QUẢN LÝ

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.

ĐIỀU 51: THƯ KÝ CÔNG TY

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp.
- e. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 52: TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

ĐIỀU 53: TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
3. Công ty không cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

- a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
 - b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

ĐIỀU 54: TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty

được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG V QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

ĐIỀU 55: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG VI CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

ĐIỀU 56: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính

sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

ĐIỀU 57: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 58: NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

ĐIỀU 59: CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Công ty.
2. Công ty chấp hành chế độ kế toán và thống kê theo đúng các quy định của pháp luật về kế toán và thống kê. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
3. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc Công ty tổ chức công tác kế toán, hạch toán tài chính trong toàn Công ty theo đúng pháp luật quy định. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm pháp lý về các chứng từ thu, chi và các hồ sơ kế toán của Công ty.
4. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG VIII HẠCH TOÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ

ĐIỀU 60: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ

1. Theo quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành áp dụng cho Công ty cổ phần, lợi nhuận của Công ty được xác định như sau:
 - Lợi nhuận trước thuế = Tổng doanh thu – Tổng chi phí

- Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận trước thuế – Thuế thu nhập doanh nghiệp
2. Lợi nhuận sau thuế vào cuối năm tài chính, trước khi phân chia cổ tức cho các Cổ đông sẽ trích lập các quỹ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua hàng năm.
 3. Số lợi nhuận còn lại được chia cho các Cổ đông theo phần vốn góp tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận (cổ tức) và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

ĐIỀU 61: CỔ TỨC

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. (được ban kiểm soát thẩm tra thông qua). Tùy theo tình hình kinh doanh Công ty có thể tạm chi cổ tức theo từng quý hoặc sáu tháng cho cổ đông.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam.
4. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
5. Trừ trường hợp cổ phần có các quyền đi kèm theo hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác, mức cổ tức được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với mệnh giá của cổ phần đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
6. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
7. Trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông ít nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Trong thông báo phải ghi rõ số cổ phần của từng loại cổ đông, mức cổ tức, tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức. Số tiền cổ tức của các cổ đông chưa đến nhận sẽ không được tính lãi. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu

niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán (Sở Giao dịch Chứng khoán) có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.
10. Trường hợp việc thanh toán tiền cổ tức trái với quy định tại khoản 1 Điều này thì các cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG IX BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

ĐIỀU 62: BẢO CÁO HÀNG NĂM, SÁU THÁNG VÀ HÀNG QUÝ

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 64 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty. Công ty công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, đồng thời đăng tải ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm trên một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán và/hoặc địa chỉ cung cấp Báo cáo tài chính năm và báo cáo kiểm toán.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

ĐIỀU 63: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG X KIỂM TOÁN CÔNG TY

ĐIỀU 64: KIỂM TOÁN

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến

Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XI CON DẤU

ĐIỀU 65: CON DẤU

1. Công ty có một con dấu. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức và nội dung con dấu của Công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
 - a. Tên doanh nghiệp;
 - b. Mã số doanh nghiệp.
2. Trước khi sử dụng, Công ty thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu.
4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

CHƯƠNG XII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ TÓ TỤNG

ĐIỀU 66: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Mọi cổ đông của Công ty đều có quyền khiếu nại trực tiếp đến Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình
2. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 04 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

ĐIỀU 67: TRANH CHẤP GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC TỔ CHỨC HOẶC CÁ NHÂN NGOÀI CÔNG TY

1. Mọi trường hợp kiện tụng, tranh chấp về các giao dịch kinh tế, dân sự giữa Công ty với các tổ chức, cá nhân khác được ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải
2. Trong trường không đạt được quyết định hoà giải, sự việc sẽ được đưa ra giải quyết tại Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế. Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện hợp pháp của Công ty trong các giai đoạn tranh tụng.

CHƯƠNG XIII GIA HẠN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

ĐIỀU 68: GIA HẠN HOẠT ĐỘNG

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐIỀU 69: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - 1.1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - 1.2. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - 1.3. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - 1.5. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

ĐIỀU 70: THANH LÝ

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm năm thành viên. Ba thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và hai thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của

- Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
 3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - 3.1. Các chi phí thanh lý;
 - 3.2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - 3.3. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - 3.4. Các khoản vay (nếu có);
 - 3.5. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - 3.6. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến (3.5) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn góp. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.
 4. Trong thời gian thanh lý, Ban thanh lý và Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xử lý các vấn đề xét thấy cần thiết phải có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XIV ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 71: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.
2. Bản Điều lệ này bao gồm 14 chương – 71 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn của bản Điều lệ này vào ngày 15 tháng 4 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 và thay thế bản Điều lệ thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2014.
3. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CAO THỊ NGỌC DUNG